

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CĂN BẢN 3

Số tín chỉ: 03
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

- Tên học phần:** Tiếng Anh căn bản 3
- Mã học phần:** TANH 031
- Số tín chỉ:** 03 (3,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ hai
- Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 45 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
 - Tự học: 90 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học xong Tiếng Anh căn bản 2.
- Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913601619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	Trang.phamhuyen88@gmail.com
5	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần gồm 12 bài học về các chủ điểm: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại đơn, và hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn, các biện pháp so sánh hơn, so sánh hơn nhất, danh động từ và động từ nguyên thể, cách dùng động từ khuyết thiếu chỉ yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục

tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Kỹ năng: Học phân luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu của CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1	Đọc và sử dụng đúng các từ vựng, cấu trúc tiếng Anh trình độ sơ trung (pre-intermediate): Thi hiện tại đơn, và hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn, các biện pháp so sánh hơn, so sánh hơn nhất, danh động từ và động từ nguyên thể, cách dùng động từ khuyết thiếu chỉ yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện.	3	[1.2.1.1b]
MT2	Sử dụng được các từ vựng, cấu trúc trên diễn tả các chủ điểm: Gia đình, cuộc sống xã hội, các sự kiện trong cuộc sống, mô tả đặc điểm của một người, một địa điểm, phong cách sống và nghề nghiệp của một người nào đó. Đưa ra lời khuyên về các món ăn, mô tả được các quy tắc xã hội, các quy luật và hành vi. Liệt kê các môn thể thao, các ngày lễ trong năm, thế giới tự nhiên, các chương trình giải trí...	3	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Có khả năng giới thiệu bản thân; trình bày quan điểm; kể lại sự kiện; dự định tương lai. Mô tả được phong cách thời trang của một người, môn thể thao yêu thích; đưa ra	2	[1.2.2.1]

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu của CTĐT
	lời khuyên sức khỏe.		
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Đọc và sử dụng đúng các từ vựng về các chủ đề : gia đình, cuộc sống xã hội, các sự kiện trong cuộc sống, mô tả đặc điểm của một người, một địa điểm, phong cách sống.	2	[2.1.4]
CĐR1.2	Trình bày cấu trúc tiếng Anh trình độ sơ trung (pre-intermediate): Thì hiện tại đơn, và hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn.	3	[2.1.4]
CĐR1.3	Trình bày các biện pháp so sánh hơn, so sánh hơn nhất, danh động từ và động từ nguyên thể, cách dùng động từ khuyết thiếu	3	[2.1.4]
CĐR1.4	Trình bày mẫu câu yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện.	4	[2.1.4]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Sử dụng các thì, cấu trúc, mẫu câu diễn đạt các câu giao tiếp cơ bản.	3	[2.2.1]
CĐR2.2	Giới thiệu bản thân và gia đình, có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân như sở thích nghề nghiệp.	3	[2.2.1]
CĐR2.3	Viết các đoạn văn về các chủ đề: kỳ nghỉ, sở thích, những việc đã làm.	2	[2.2.1]
CĐR2.4	Phân biệt và kết hợp cách sử dụng các thì, từ loại trong khi viết đoạn văn, trình bày ý kiến.	3	[2.2.1]
CĐR2.5	Mô tả được phong cách thời trang của một người, môn thể thao yêu thích.	3	[2.2.1]

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CDR của CTĐT
CDR2.6	Sử dụng mẫu câu đề nghị, cấu trúc đưa lời khuyên sức khỏe thực hiện các đoạn hội thoại.	3	[2.2.1]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương / bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CDR1					CDR2						CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	Unit 1. Your life	1	2		1	1		2			3	3	3	3	
2	Unit 1. The greats	1	2			1		2		3	3	3	3	3	3
3	Unit 1. Your style		2			1	3			3	3	3	3	3	3
4	Unit 1. Your goals		2			1	3			3	3	3	3	3	3
5	Unit 1. Stay well		2			1	3			3	3	3	3	3	3
6	Unit 1. The rules		2			1				3	3	3	3	3	3
7	Unit 1. Time out			2		1			2	3	3	3	3	3	3
8	Unit 1. Just do it!	1		2		1			2	3	3	3	3	3	3
9	Unit 1. Cool tech														
10	Unit 1. Out there														
11	Unit 1. Must see														
12	Unit 1. The rules														
13	Active study														

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	Chuẩn đầu ra của học phần			Ghi chú
					CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	1 điểm	20%	- Phát vấn - Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá chuyên cần	CĐR1.2, CĐR1.5	CĐR2.1, CĐR2.4, CĐR2.6	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	- Trắc nghiệm kết hợp - 90 phút	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5	CĐR2.1, CĐR 2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR 2.5, CĐR2.6	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	- Trắc nghiệm kết hợp - 90 phút		CĐR2.1, CĐR 2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR 2.5, CĐR2.6	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	

11.2. Cách tính điểm học phần:

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] Sarah Cunning Ham, Peter Moor (2010) *Real life – Pre intermediate – Students' book*, Pearson Longman.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge Press

[3]- Betty schramper Azar (2002). *Understanding and using English grammar*. Longman.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	Unit 1. Your life Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ về gia đình và các mối quan hệ - Biết cách chia động từ ở thời hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn Nội dung cụ thể: 1.1. Reading and listening: Time Twin 1.2. Grammar focus: The present simple and continuous 1.3. Vocabulary and reading 1.4. Grammar focus: Question and question words 1.5. Reading and vocabulary	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề. - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc, thì hiện tại đơn / tiếp diễn. + Giao bài tập cho cá nhân. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. - Sinh viên: + Tìm hiểu cách sử dụng thời hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn tài liệu [2] + Hoàn thành các bài tập 1-8 tr. 10-11 phần BT tài liệu [1] + Liệt kê từ vựng về gia đình và các mối quan hệ trong gia đình.	CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.4, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2.
2	Unit 2. The greats Mục tiêu: - Liệt kê được các từ vựng chỉ tính cách của con người - Sử dụng thành thạo thời quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, phân biệt giữa 2 thì. Nội dung cụ thể: 2.1. Reading and vocabulary: Icon 2.2. Grammar focus: Past simple	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề. - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, quy tắc, cách dùng thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn và yêu cầu sinh viên thảo luận. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. - Sinh viên:	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.2, CĐR2.4, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	2.3. Vocabulary and writing: Famous pair 2.4. Grammar focus: Past simple and past continuous 2.5. Reading and listening		+ Liệt kê được các từ vựng chỉ đặc điểm tính cách của con người. + Tìm hiểu và phân biệt thời quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn tài liệu [2]. + Hoàn thành BT trang 18-19 phần BT tài liệu [1]. + Lập hội thoại hỏi về đặc điểm tính cách	
3	Unit 3. Your style Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng dùng để miêu tả một địa điểm, phong cách của một cá nhân - Hiểu và sử dụng chính xác cấu trúc so sánh hơn và hơn nhất. - Hội thoại giới thiệu về địa điểm ưa thích Nội dung cụ thể: 3.1. Reading and vocabulary: Describing a place 3.2. Grammar focus: Comparative and superlative 3.3. Listening and speaking: My favourite place 3.4. Vocabulary and speaking: Describing personal style 3.5. Grammar focus: Too and enough	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học sử dụng phản hồi từ bạn học. - Giảng viên: + Giải thích các cấu trúc so sánh, cách thiết lập hội thoại. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên luyện tập, thảo luận. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Liệt kê các từ vựng dùng để miêu tả một địa điểm. + Tìm hiểu cách sử dụng cấu trúc so sánh hơn và hơn nhất trong tài liệu [2]. + Lập hội thoại hỏi đáp về các địa điểm ưa thích, các phong cách cá nhân. + Hoàn thành BT trang 26-27 phần BT tài liệu [1]	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
4	Unit 4. The goal Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về lĩnh vực giáo dục, việc làm, tính từ miêu tả công việc - Hiểu và sử dụng đúng cấu trúc danh động từ và động từ nguyên thể - Hội thoại miêu tả 1 công việc	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Động não; Dạy học sử dụng phản hồi từ bạn học. - Giảng viên: + Giải thích từ vựng về chủ đề giáo dục, việc làm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên luyện tập, thảo luận.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>Nội dung cụ thể:</p> <p>4.1. Listening and vocabulary: Education</p> <p>4.2. Grammar focus: Wishes and intentions</p> <p>4.3. Vocabulary and listening: Getting a job</p> <p>4.4. Grammar focus: Gerund and infinitives</p> <p>4.5. Vocabulary and speaking: Describing a job</p>		<p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Tìm hiểu cách sử dụng danh động từ và động từ nguyên thể tài liệu [2]</p> <p>+ Liệt kê các danh từ, tính từ miêu tả nghề nghiệp.</p> <p>+ Hoàn thành các bài tập trang 34-35 phần BT tài liệu [1].</p> <p>+ Thiết lập đoạn hội thoại hỏi và trả lời về nghề nghiệp.</p>	CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
5	<p>Unit 5. Stay well</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng về sức khỏe và lối sống lành mạnh, các từ vựng về đồ ăn và thức uống. - Hiểu và sử dụng đúng mạo từ, a/ an/ và the - Sử dụng thành thạo should/ shouldn't, must, musn't để đưa ra lời khuyên <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>5.1. Vocabulary and Listening: healthy lifestyle.</p> <p>5.2. Grammar focus: should/ shouldn't/ must/ musn't.</p> <p>5.3. Vocabulary and speaking: food and drink</p> <p>5.4. Grammar focus: A/ an/ the</p> <p>5.5. Reading and speaking</p>	3 (3LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cấu trúc, cách sử dụng thì tương lai. + Giao bài tập cho cá nhân. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Liệt kê các từ vựng về đồ ăn thức uống, lối sống và sức khỏe + Tìm hiểu cách sử dụng a/ an/ the phần tài liệu [2]. + Hoàn thành BT trang 42-43 phần BT tài liệu [1] +Tra từ mới phần Reading tài liệu [1]. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
6	<p>Unit 6. The rules</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng cấu trúc cho phép và yêu cầu ở thời hiện tại và quá khứ <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.1. Reading and listening</p> <p>6.2. Grammar focus:</p>	3 (3LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cấu trúc, cách sử dụng mệnh đề tính từ. + Đàm thoại về cách sử dụng động từ khuyết thiếu. + Giao bài tập cho cá nhân và 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	Obligation and permission in the present 6.3. Listening and speaking 6.4. Grammar focus: Obligation and permission 6.5. Reading and vocabulary: Society and law		theo nhóm. - Sinh viên: + Tìm hiểu cách sử dụng cấu trúc yêu cầu và cho phép trong tài liệu [2]. + Hoàn thành BT tr. 44-47 phần workbook tài liệu [1] + Hoàn thành các bài tập trong phần Activestudy tài liệu [1].	CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
7	Unit 7. Time out Mục tiêu: - Liệt kê các từ vựng liên quan tới chủ đề kì nghỉ. - Sử dụng thành thạo cấu trúc với động từ khuyết thiếu chỉ sự sắp xếp cho tương lai Nội dung cụ thể: 7.1. Vocabulary and reading: Holiday 7.2. Grammar focus: Future arrangement 7.3. Listening and vocabulary: Flying 7.4. Grammar focus: May, might, will 7.5. Vocabulary and speaking: Describing a holiday	6 (4LT, 0TH, 2KT)	Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học sử dụng phản hồi từ bạn học; Động não. - Giảng viên: + Giải thích nội dung bài học. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên thảo luận, luyện tập. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Tra từ điển phần bài đọc trang 55 tài liệu [1]. + Hoàn thành BT tr.55-57 phần tài liệu [1]. + Viết đoạn văn miêu tả một kì nghỉ của bạn.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.5, CĐR2.2, CĐR2.3 CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
8	Unit 8. Just do it - Trình bày các từ vựng chỉ các môn thể thao. - Đọc hiểu và nói về các môn thể thao yêu thích. Nội dung cụ thể: 8.1. Vocabulary and listening 8.2. Grammar focus: Present perfect 8.3. Vocabulary and writing 8.4. Reading and vocabulary	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học sử dụng phản hồi từ bạn học; Động não. - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc + Giao bài tập cho cá nhân + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Tra từ mới phần bài đọc trang 61 tài liệu [1]. + Tìm hiểu cách sử dụng thời	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	8.5. Active study		hiện tại hoàn thành trong tài liệu [2] - Hoàn thành BT tr.123 phần workbook tài liệu [1]. + Hoàn thành các bài tập phần Activestudy trang 67 tài liệu [1], phần workbook trang 114-115 tài liệu [1].	
9	Unit 9. Cool tech Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng thuộc lĩnh vực công nghệ. - Hiểu và sử dụng thành thạo mệnh đề quan hệ, câu điều kiện Nội dung cụ thể: 9.1. Vocabulary and listening 9.2. Grammar focus: Relative clause 9.3. Listening and speaking 9.4. Grammar focus: First conditional 9.5. Listening and speaking	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Giải thích cấu trúc, cách sử dụng mệnh đề tính từ. + Đàm thoại về cách sử dụng động từ khuyết thiếu. + Giao bài tập cho cá nhân và theo nhóm. - Sinh viên: + Liệt kê các từ vựng về chủ đề khoa học công nghệ + Tìm hiểu cách sử dụng mệnh đề quan hệ, câu điều kiện trong tài liệu [2]. + Hoàn thành các bài tập trang 74 sách giáo trình và trang 116-117 phần workbook tài liệu [1].	
10	Unit 10. Out there Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về thế giới tự nhiên - Sử dụng thành thạo cấu trúc used to để nói về thói quen trong quá khứ. - Nội dung cụ thể: 10.1. Vocabulary and speaking: Natural world 10.2. Grammar focus: Used to 10.3. Listening and speaking: Climate refugees	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Giải thích cấu trúc, cách sử dụng mệnh đề tính từ. + Đàm thoại về cách sử dụng động từ khuyết thiếu. + Giao bài tập cho cá nhân và theo nhóm. - Sinh viên: + Đọc, tra từ điển bài đọc trang 77 tài liệu [1]. + Tìm hiểu cách sử dụng	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	10.4. Reading and vocabulary 10.5. Active study 5		“used to” trong tài liệu [2] + Hoàn thành các bài tập trang 82 tài liệu [1]. + Hoàn thành bài tập phần workbook trang 118-119 tài liệu [1]	
11	Unit 11. Must see Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ văn học và chế tác phim - Hiểu và sử dụng đúng thể bị động với thời hiện tại đơn quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành. Nội dung cụ thể: 11.1. Listening and vocabulary: Making film 11.2. Grammar focus: Passive voice 11.3. Reading and writing 11.4. Realtime	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học sử dụng phản hồi từ bạn học; Động não. - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc + Giao bài tập cho cá nhân + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc tìm hiểu về thể bị động, cấu trúc câu bị động ở thời hiện tại, hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn.[2]. + Liệt kê các từ vựng chỉ văn học và chế tác phim + Hoàn thành các bài tập trang 90-91 tài liệu [1]. + Hoàn thành bài tập phần workbook trang 120-121 tài liệu [1]	
12	Unit 12. Stay safe Mục tiêu: - Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Miêu tả 1 bức tranh. Nội dung cụ thể: 12.1. Vocabulary and speaking: Serious crime 12.2. Grammar focus: Conditional sentence: 2 nd conditional 12.3. Vocabulary and listening 12.4. Grammar focus: Reported speech 12.5 Listening and reading	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học sử dụng phản hồi từ bạn học; Động não. - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc + Giao bài tập cho cá nhân + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Tra từ mới phần bài đọc trang 95 tài liệu [1]. + Tìm hiểu câu điều kiện loại 2 và lời nói gián tiếp trong tài liệu [2] + Hoàn thành các bài tập trang 98-99 tài liệu [1].	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
13	<p>General Review</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập toàn bộ nội dung học phần về từ vựng, cấu trúc, thì, các mẫu câu. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vocabulary and speaking 2. Grammar focus 3. Vocabulary and listening 4. Exercise 	6 (6LT, 0TH)	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp từ unit 1 đến unit 12. - Hoàn thành bài tập trong đề cương ôn tập 	

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Trịnh Thị Chuyên